**YÊU CẦU ĐỂ KHỞI XƯỚNG ĐIỀU TRA ÁP DỤNG   
BIỆN PHÁP CHỐNG TRỢ CẤP[[1]](#footnote-1)**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO (SCM);

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại (“Nghị định số 10/2018/NĐ-CP);

- Thông tư số 06/2018/TT-BCT ngày 20 tháng 4 năm 2018 quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại (“Thông tư số 06/2018/TT-BCT”).

**2. Ai là người chuẩn bị và nộp hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân *đại diện cho ngành sản xuất trong nước* có quyền nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi là “Bên yêu cầu”) trong trường hợp nhận thấy hàng hóa nhập khẩu bị bán phá giá gây ra thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước.[[2]](#footnote-2) *Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cần đáp ứng các yêu cầu về tính đại diện* nêu tại Mục 3 dưới đây.

Trong trường hợp không có Bên yêu cầu nhưng có dấu hiệu rõ ràng về việc hàng hóa bị bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra tiến hành lập Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá để trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định điều tra.[[3]](#footnote-3) Tuy nhiên, trong thực tiễn tại Việt Nam cũng như trên thế giới, trường hợp Cơ quan điều tra tự lập Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp gần như không có.

**3. Tính đại diện của Bên yêu cầu**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp được coi là đại diện cho ngành sản xuất trong nước khi đáp ứng đủ 02 điều kiện sau đây:[[4]](#footnote-4)

(a) Tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa tương tự được sản xuất của các nhà sản xuất trong nước nộp hồ sơ và các nhà sản xuất trong nước ủng hộ việc yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp phải lớn hơn tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa tương tự được sản xuất của các nhà sản xuất trong nước phản đối việc yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp;

(b) Tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa tương tự được sản xuất của các nhà sản xuất trong nước nộp hồ sơ và các nhà sản xuất trong nước ủng hộ việc yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp **chiếm ít nhất 25%** tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa tương tự được sản xuất của ngành sản xuất trong nước.

***Ví dụ:***

Tổng sản lượng sản xuất hàng hóa của ngành sản xuất trong nước là 100 tấn

Các doanh nghiệp sản xuất trong nước ủng hộ việc nộp hồ sơ (bao gồm các doanh nghiệp nộp hồ sơ và các doanh nghiệp ủng hộ) có tổng sản lượng 30 tấn

Các doanh nghiệp sản xuất trong nước phản đối việc nộp hồ sơ có sản lượng 20 tấn

***Kiểm tra:***

+) Kiểm tra điều kiện (a): 30 > 20 => Thỏa mãn

+) Kiểm tra điều kiện (b): 30/100 = 30% >25% => Thỏa mãn

***Như vậy thỏa mãn điều kiện đứng đơn của các doanh nghiệp nộp hồ sơ và ủng hộ việc nộp hồ sơ.***

Ngành sản xuất trong nước là tập hợp các nhà sản xuất hàng hóa tương tự trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam hoặc đại diện của họ chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng sản lượng hàng hóa của ngành đó được sản xuất trong nước. Trong trường hợp nhà sản xuất trong nước trực tiếp nhập khẩu hàng hóa bị điều tra hoặc có mối quan hệ với các nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa bị điều tra thì nhà sản xuất này có thể không được xem là nhà sản xuất trong nước.[[5]](#footnote-5)

Khối lượng, số lượng hàng hóa sản xuất chiếm ít nhất 50% tổng khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất ở trong nước được coi là chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng sản lượng hàng hóa của ngành sản xuất trong nước.[[6]](#footnote-6)

**4. Điều kiện áp dụng biện pháp chống trợ cấp**

Biện pháp chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam là biện pháp được áp dụng trong trường hợp:[[7]](#footnote-7)

(a) Hàng hóa được xác định có trợ cấp có thể áp dụng biện pháp chống trợ cấp và mức trợ cấp được xác định cụ thể, trừ trường hợp nhà sản xuất, xuất khẩu ở các nước phát triển có mức trợ cấp không vượt quá 1% giá xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam, nhà sản xuất hoặc xuất khẩu ở các nước đang phát triển có mức trợ cấp không vượt quá 2% giá xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam và nhà sản xuất hoặc xuất khẩu ở các nước kém phát triển có mức trợ cấp không vượt quá 3% giá xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam;

(b) Có thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể đối ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước; và

(c) Tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trợ cấp hàng hóa nhập khẩu và thiệt hại/đe dọa thiệt hại/ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.

Trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ một nước đang phát triển có khối lượng hoặc số lượng không vượt quá 4% tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa tương tự nhập khẩu vào Việt Nam và tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa có xuất xứ từ các nước đang phát triển đáp ứng điều kiện trên không vượt quá 9% tổng khối lượng hoặc số lượng hàng hóa tương tự nhập khẩu vào Việt Nam thì các nước này được loại khỏi phạm vi áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

**5. Thời kỳ thu thập dữ liệu**

Đối với hành vi trợ cấp hàng hóa nhập khẩu, Bên yêu cầu cần thu thập thông tin, dữ liệu trong thời kỳ 12 tháng, được gọi là thời kỳ điều tra xác định việc trợ cấp. Trong trường hợp đặc biệt, Cơ quan điều tra có thể xác định một thời kỳ điều tra khác nhưng không ít hơn 06 tháng.[[8]](#footnote-8)

Đối với các yếu tố về thiệt hại, Bên yêu cầu cần thu thập thông tin, dữ liệu trong thời kỳ ít nhất là 03 năm và phải bao gồm toàn bộ thời kỳ điều tra xác định việc trợ cấp nêu trên. Trong trường hợp bên liên quan có thời gian hoạt động ít hơn 03 năm, dữ liệu thu thập sẽ là toàn bộ thời gian hoạt động của bên liên quan đó tính đến thời điểm có quyết định điều tra.[[9]](#footnote-9)

**6. Xác định hành vi trợ cấp có thể bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp**

*Xin lưu ý không phải tất cả các loại trợ cấp đều có thể áp dụng biện pháp chống trợ cấp*. Trợ cấp có thể bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp phải thỏa mãn 03 yếu tố sau đây:

- Là sự đóng góp của chính phủ hoặc bất kỳ tổ chức công nào ở quốc gia có hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;

- Đem lại lợi ích cho tổ chức, cá nhân nhận trợ cấp; và

- Mang tính riêng biệt.

Sự đóng góp của chính phủ hoặc tổ chức công có thể dưới các hình thức sau đây:[[10]](#footnote-10)

(a) Chính phủ thực tế chuyển vốn trực tiếp cho tổ chức, cá nhân hoặc nhận nợ trực tiếp cho tổ chức, cá nhân;

(b) Chính phủ bỏ qua hoặc không thu các khoản thu mà tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ phải nộp cho Chính phủ;

(c) Chính phủ cung cấp cho tổ chức, cá nhân tài sản, hàng hóa hoặc dịch vụ không phải là cơ sở hạ tầng chung;

(d) Chính phủ mua tài sản, hàng hóa hoặc dịch vụ của tổ chức, cá nhân với giá cao hơn giá thị trường;

(e) Chính phủ bán tài sản, hàng hóa hoặc dịch vụ cho tổ chức, cá nhân với giá thấp hơn giá thị trường;

(f) Chính phủ góp tiền vào một cơ chế tài trợ; ủy thác, giao hoặc chỉ đạo, yêu cầu tổ chức tư nhân thực hiện một hoặc một số hoạt động từ điểm (a) đến điểm (f) thông thường thuộc chức năng của Chính phủ và trong thực tế không khác với những hoạt động thông thường của Chính phủ;

(g) Bất kỳ hình thức hỗ trợ về thu nhập hoặc giá;

(h) Bất kỳ hình thức trợ cấp nào khác không thuộc điểm (a) đến điểm (g) được xác định dựa trên nguyên tắc công bằng, hợp lý, không trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Những loại trợ cấp sau đây có thể bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác:[[11]](#footnote-11)

1. Trợ cấp dựa vào kết quả xuất khẩu;

(b) Trợ cấp nhằm mục đích ưu tiên sử dụng hàng hóa sản xuất trong nước hơn hàng hóa nhập khẩu;

(c) Các trợ cấp mô tả tại điểm (a) đến điểm (h) nêu trên làm vô hiệu hoặc ảnh hưởng đến những quyền lợi mà Việt Nam trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Lợi ích đối với tổ chức, cá nhân nhận trợ cấp phải là lợi ích thực tế. *Ví dụ: Trong trường hợp chính phủ nước xuất khẩu có chương trình ưu đãi thuế xuất khẩu 0% đối với một mặt hàng nhất định, nhưng thực chất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng đó theo quy định vốn đã là 0% thì chương trình ưu đãi trên, mặc dù về bản chất là chương trình trợ cấp, nhưng thực tế không đem lại lợi ích cho tổ chức, cá nhân nhận trợ cấp. Trong trường hợp này, chương trình trợ cấp không đáp ứng các yêu cầu để có thể bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp.*

Trợ cấp được coi là mang tính riêng biệt khi trợ cấp chỉ áp dụng riêng cho tổ chức, cá nhân hoặc ngành sản xuất nhất định hoặc trợ cấp chỉ áp dụng cho tổ chức, cá nhân hoặc ngành sản xuất trong khu vực địa lý nhất định của nước bị điều tra áp dụng biện pháp chống trợ cấp.[[12]](#footnote-12)

Tính riêng biệt của trợ cấp được xác định như sau:[[13]](#footnote-13)

(a) Có sự hạn chế rõ ràng cho một hoặc một nhóm các tổ chức, cá nhân hoặc cho một hoặc một nhóm ngành sản xuất nhất định được hưởng trợ cấp;

(b) Các tiêu chuẩn, điều kiện hưởng trợ cấp mang tính khách quan được quy định trong các văn bản pháp luật nhưng không được mặc nhiên áp dụng trên thực tiễn;

(c) Có sự hạn chế rõ ràng cho các tổ chức, cá nhân trong một vùng địa lý nhất định;

(d) Trong trường hợp trợ cấp không mang tính riêng biệt theo quy định tại tại điểm (a) – (c), Cơ quan điều tra vẫn có thể xác định tính riêng biệt dựa trên việc xem xét các yếu tố bao gồm số lượng giới hạn các doanh nghiệp được hưởng trợ cấp, sự phân bổ mức trợ cấp không cân xứng và cách thức cơ quan có thẩm quyền cấp trợ cấp.

**7. Xác định mức trợ cấp**

Phương pháp xác định giá trị trợ cấp được quy định như sau:[[14]](#footnote-14)

(a) Trong trường hợp trợ cấp là một khoản cấp không hoàn lại thì giá trị trợ cấp được tính trên cơ sở giá trị thực tế cấp cho tổ chức, cá nhân được hưởng;

(b) Trong trường hợp trợ cấp dưới hình thức một khoản vay được thực hiện bởi chính phủ hoặc tổ chức công thì giá trị trợ cấp được tính trên cơ sở chênh lệch giữa mức lãi suất phải trả cho khoản vay đó theo điều kiện thị trường và mức lãi suất mà tổ chức, cá nhân thực tế phải trả cho khoản vay đó;

(c) Trong trường hợp trợ cấp dưới hình thức chính phủ hoặc tổ chức công bảo lãnh vay thì giá trị trợ cấp được xác định trên cơ sở phần chênh lệch giữa mức lãi suất phải trả trong trường hợp không được bảo lãnh và mức lãi suất thực tế phải trả khi được bảo lãnh;

(d) Trong trường hợp trợ cấp dưới hình thức chính phủ hoặc tổ chức công chuyển vốn trực tiếp hoặc chuyển giao cổ phần thì giá trị trợ cấp được xác định trên cơ sở vốn thực tế mà doanh nghiệp được nhận;

(e) Trong trường hợp trợ cấp dưới hình thức chính phủ hoặc tổ chức công mua hàng hóa, dịch vụ với giá cao hơn giá thị trường cho tổ chức, cá nhân thì giá trị trợ cấp được xác định trên cơ sở phần chênh lệch giữa giá thị trường với giá thực tế mà chính phủ hoặc tổ chức công phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đó;

(f) Trong trường hợp trợ cấp dưới hình thức chính phủ hoặc tổ chức công cung cấp hàng hóa, dịch vụ thấp hơn giá thị trường cho tổ chức, cá nhân thì giá trị trợ cấp được xác định trên cơ sở phần chênh lệch giữa giá thị trường với giá bán ra thực tế của chính phủ hoặc tổ chức công cho tổ chức, cá nhân;

(g) Trong trường hợp trợ cấp dưới hình thức chính phủ hoặc tổ chức công bỏ qua hoặc không thu các khoản thu mà tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ phải nộp thì giá trị trợ cấp được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch giữa khoản tiền phải nộp theo quy định pháp luật với khoản tiền mà tổ chức, cá nhân thực sự nộp.

Giá trị trợ cấp được cấp dưới hình thức khác sẽ được tính một cách công bằng, hợp lý và không trái với thông lệ quốc tế.[[15]](#footnote-15)

**8. Xác định thiệt hại đáng kể/đe dọa gây thiệt hại đáng kể/ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước**

Việc xác định thiệt hại đáng kể/đe dọa gây thiệt hại đáng kể/ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước phải dựa trên những chứng cứ cụ thể.

*8.1. Xác định thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước[[16]](#footnote-16)*

Việc xác định thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước dựa trên cơ sở xem xét các yếu tố sau đây:

(a) Sự gia tăng tuyệt đối hoặc tương đối của khối lượng, số lượng hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam so với khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự sản xuất trong nước hoặc tiêu dùng trong nước;

(b) Tác động ép giá, kìm giá của hàng hóa bị điều tra nhập khẩu vào Việt Nam đối với giá bán của hàng hóa tương tự sản xuất trong nước;

(c) Tác động của hàng hóa được trợ cấp đối với tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành sản xuất trong nước, bao gồm mức suy giảm thực tế, suy giảm tiềm ẩn của doanh thu, lượng bán hàng, lợi nhuận, sản lượng, thị phần, công suất, năng suất, đầu tư; các yếu tố ảnh hưởng đến giá bán trong nước; độ lớn của mức trợ cấp; và ảnh hưởng bất lợi thực tế và tiềm ẩn đối với dòng tiền, tồn kho, lao động, tiền lương, khả năng huy động vốn;

(d) Các yếu tố tác động khác.

*8.2. Xác định đe dọa gây thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước[[17]](#footnote-17)*

Việc xác định đe dọa gây thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước dựa trên cơ sở xem xét các yếu tố sau đây:

(a) Sự gia tăng tuyệt đối hoặc tương đối của khối lượng, số lượng hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam so với khối lượng, số lượng hàng hóa tương tự sản xuất trong nước hoặc so với tiêu dùng trong nước;

(b) Năng lực sản xuất của nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài đủ lớn hoặc có thể gia tăng đáng kể trong tương lai gần dẫn đến khả năng gia tăng đáng kể của khối lượng, số lượng hàng hóa bị điều tra nhập khẩu vào Việt Nam;

(c) Hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam làm giảm giá đáng kể, hoặc kìm giá ở mức đáng kể, hoặc ngăn không cho tăng đáng kể giá bán của hàng hóa tương tự sản xuất trong nước, dẫn đến khả năng gia tăng nhu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu;

(d) Số liệu tồn kho của hàng hóa bị điều tra;

(e) Các yếu tố khác.

Việc xem xét tổng hợp các yếu tố quy này cho thấy khả năng thực tế gia tăng nhập khẩu hàng hóa được trợ cấp và nếu không áp dụng biện pháp chống trợ cấp thì thiệt hại đáng kể sẽ xảy ra.

*8.3. Xác định ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước[[18]](#footnote-18)*

Việc xác định sự hình thành của ngành sản xuất trong nước được xem xét dựa trên các yếu tố sau đây:

(a) Đặc điểm của ngành sản xuất trong nước;

(b) Thời gian hoạt động của ngành sản xuất trong nước;

(c) Quy mô hoạt động của ngành sản xuất trong nước so với toàn bộ thị trường;

(d) Điểm hòa vốn tài chính hợp lý của ngành sản xuất trong nước;

(e) Ngành sản xuất đang xem xét là ngành sản xuất mới hay là sự mở rộng dây chuyền của ngành sản xuất hiện tại;

(f) Các yếu tố khác mà Cơ quan điều tra xác định là phù hợp.

Việc xác định ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước được xem xét dựa trên các yếu tố sau đây:

(a) Kế hoạch của ngành sản xuất trong nước;

(b) Công suất và sản lượng sản xuất;

(c) Khối lượng, số lượng bán hàng trong nước;

(d) Thị phần, doanh thu, lợi nhuận;

(e) Giá bán hàng hóa tương tự trong nước;

(f) Tình hình xuất khẩu hàng hóa tương tự và tình hình nhập khẩu hàng hóa bị điều tra;

(g) Tồn kho;

(h) Nhân công và tiền lương;

(i) Các yếu tố khác mà Cơ quan điều tra xác định là phù hợp.

**9. Xác định mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại của ngành sản xuất trong nước**

Khi xác định mối quan hệ nhân quả giữa việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành một ngành sản xuất trong nước, cần xem xét:[[19]](#footnote-19)

(a) Việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam là nguyên nhân gây ra thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành một ngành sản xuất trong nước.

(b) Các yếu tố khác ngoài việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành ngành sản xuất trong nước sẽ không được xem xét vào ảnh hưởng do hàng hóa được trợ cấp gây ra, bao gồm:

(i) Khối lượng, số lượng của hàng hóa tương tự nhập khẩu vào Việt Nam không được trợ cấp;

(ii) Mức độ giảm sút của cầu tiêu dùng hoặc sự thay đổi về hình thức tiêu dùng đối với hàng hóa tương tự sản xuất trong nước;

(iii) Chính sách hạn chế thương mại;

(iv) Sự phát triển của công nghệ;

(v) Khả năng xuất khẩu và năng suất của ngành sản xuất trong nước;

(vi) Các yếu tố khác mà Cơ quan điều tra thấy phù hợp.

=================

1. Chỉ có tính chất tham khảo; [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 1 Điều 70 Luật Quản lý ngoại thương; [↑](#footnote-ref-2)
3. Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản 2 Điều 87 Luật Quản lý ngoại thương; [↑](#footnote-ref-4)
5. Khoản 1 Điều 69 Luật Quản lý ngoại thương; [↑](#footnote-ref-5)
6. Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-6)
7. Khoản 1 Điều 86 Luật Quản lý ngoại thương; [↑](#footnote-ref-7)
8. Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-8)
9. Khoản 2 Điều 34 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-9)
10. Điều 84 Luật Quản lý ngoại thương; [↑](#footnote-ref-10)
11. Điều 85 Luật Quản lý ngoại thương; [↑](#footnote-ref-11)
12. Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-12)
13. Khoản 2 Điều 21 Nghị đính số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-13)
14. Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-14)
15. Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-15)
16. Điều 23 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-16)
17. Điều 24 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-17)
18. Điều 25 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-18)
19. Điều 27 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-19)